THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08/2017/QĐ-TTg *Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
Hướng dẫn thực hiện Nghị định thư giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Liên bang Nga về hỗ trợ sản xuất phương tiện vận tải có động cơ trên lãnh thổ Việt Nam

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật điều ước quốc tế ngày 09 tháng 4 năm 2016;

Thực hiện Nghị định thư giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Liên bang Nga về hỗ trợ sản xuất phương tiện vận tải có động cơ trên lãnh thổ Việt Nam ký tại Mat-xcơ-va ngày 21 tháng 3 năm 2016 (sau đây gọi là Nghị định thư);

Thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa một bên là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và bên kia là Liên minh Kinh tế Á - Âu và các nước thành viên (sau đây gọi là Hiệp định VN - EAEU FTA) ký tại Bu-ra-bai, Cộng hòa Ca-dắc-xtan ngày 29 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định hướng dẫn thực hiện Nghị định thư giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Liên bang Nga về hỗ trợ sản xuất phương tiện vận tải có động cơ trên lãnh thổ Việt Nam.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về quy trình phân bổ hạn ngạch thuế quan, trình tự, thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan, mức thuế suất thuế nhập khẩu trong và ngoài hạn ngạch thuế quan và cơ chế phối hợp quản lý giữa các cơ quan nhà nước để thực hiện cơ chế nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan đối với phương tiện vận tải có động cơ và bộ SKD trong khuôn khổ Nghị định thư.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Các liên doanh đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4 Quyết định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Doanh nghiệp được ủy quyền của Nga bao gồm:

a) Nhà máy sản xuất ô tô "GAZ", LLC

Địa chỉ: 603004, số 5, đường Ilyicha, Nizhny Novgorod, Liên bang Nga.

b) Công ty Thương mại Quốc tế «KAMAZ»

Địa chỉ: 423815, số 2, đại lộ Avtozavodsky, Naberezhny Chelny, Cộng hòa Tatarstan, Liên bang Nga.

c) Công ty Cổ phần đại chúng "Ulyanovsky Avtomobilny Zavod" (UAZ)

Địa chỉ: 432034, số 92, đại lộ Moskovskoe, Ulyanovsk, Liên bang Nga; và

d) Doanh nghiệp được bổ sung hoặc thay thế theo đề nghị của phía Nga.

2. Liên doanh là pháp nhân được thành lập theo thỏa thuận được ký giữa doanh nghiệp được ủy quyền của Nga và doanh nghiệp có quan tâm của Việt Nam trên lãnh thổ Việt Nam phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Phương tiện vận tải có động cơ là một số loại xe SUV (loại xe thể thao đa dụng) của UAZ (M1G); phương tiện vận tải có động cơ dùng để chở 10 người trở lên, bao gồm cả lái xe (M2, M2G, M3, M3G); xe tải (N1, N1G, N2, N2G, N3, N3G); và xe chuyên dụng (SB, SC, SD) theo thống nhất của doanh nghiệp được ủy quyền của Nga và doanh nghiệp có quan tâm của Việt Nam.[1]

4. Bộ SKD là một bộ phụ tùng và linh kiện được liên doanh nhập khẩu vào lãnh thổ Việt Nam và cần thiết cho lắp ráp công nghiệp các phương tiện vận tải có động cơ dạng SKD, trừ các phụ tùng và linh kiện được sản xuất trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tỷ lệ nội địa hóa là hàm lượng giá trị gia tăng nội địa được tính toán theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ nội địa hóa} = \frac{\text{Chi phí nguyên vật liệu của Việt Nam} + \text{Chi phí lao động trực tiếp} + \text{Chi phí chung trực tiếp} + \text{Lợi nhuận}}{\text{Giá xuất xưởng (EXW)}} * 100\%$$

[1] Phân loại phương tiện vận tải có động cơ theo loại xe theo quy định của Ủy ban Kinh tế của Liên hợp quốc về Châu Âu (UNECE).

a) Chi phí nguyên vật liệu của Việt Nam nghĩa là giá trị nguyên vật liệu, phụ tùng hoặc hàng hóa có xuất xứ Việt Nam và đạt tiêu chí xuất xứ phù hợp với quy định của Chương 4 (Quy tắc xuất xứ) của Hiệp định VN - EAEU FTA;

b) Chi phí lao động trực tiếp bao gồm lương, thưởng và các khoản lợi ích khác của người lao động có gắn với quá trình sản xuất theo quy định của pháp luật Việt Nam, bao gồm cả bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội bắt buộc;

c) Chi phí chung trực tiếp bao gồm, nhưng không giới hạn chỉ các chi phí hành chính và thương mại; chi phí các tài sản cố định gắn với quá trình sản xuất (chi phí thuê, khấu hao tòa nhà, thuế, bao gồm cả thuế thu nhập, lãi suất thế chấp); chi phí thuê và lãi suất phải thanh toán đối với nhà máy và thiết bị; chi phí bảo vệ nhà máy; chi phí bảo hiểm (nhà máy, thiết bị và nguyên vật liệu sử dụng trong sản xuất hàng hóa); chi phí sử dụng dịch vụ công cộng (năng lượng, điện, nước và các chi phí sử dụng dịch vụ công cộng khác gắn với sản xuất hàng hóa); chi phí nghiên cứu và phát triển, chi phí thiết kế và kỹ thuật; thuốc nhuộm, khuôn, công cụ và khấu hao, bảo trì và sửa chữa nhà máy và thiết bị; tiền bản quyền hoặc giấy phép (có liên quan đến những máy móc hoặc quy trình có bản quyền được sử dụng trong quá trình sản xuất hàng hóa hoặc quyền sản xuất hàng hóa); chi phí kiểm tra và thử nghiệm nguyên vật liệu và hàng hóa; chi phí kho bãi tại nhà máy; chi phí xử lý chất thải có thể tái chế và chi phí các yếu tố được sử dụng trong tính toán giá trị nguyên vật liệu thô, tức là phí cảng và giải phóng hàng và thuế nhập khẩu phải trả cho các phần phải chịu thuế;

d) Lợi nhuận là lợi nhuận ròng của các liên doanh sau khi trừ đi tất cả các thuế và phí theo quy định của pháp luật Việt Nam;

đ) Giá EXW là giá của hàng hóa được cung cấp trên cơ sở xuất xưởng theo quy định trong Incoterm 2010 do Phòng Thương mại Quốc tế ban hành.

Điều 4. Yêu cầu đối với liên doanh

Các liên doanh đủ điều kiện bao gồm:

1. Các pháp nhân được thành lập theo các thỏa thuận được ký giữa các doanh nghiệp được ủy quyền của Nga và các doanh nghiệp có quan tâm của Việt Nam trên lãnh thổ Việt Nam phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Mỗi doanh nghiệp được ủy quyền của Nga chỉ được phép thành lập một liên doanh tại Việt Nam.

3. Phần vốn do các doanh nghiệp Việt Nam trong liên doanh đóng góp phải đạt ít nhất 50% tổng vốn điều lệ của liên doanh.

4. Các liên doanh phải được thành lập và hoạt động trong thời gian ít nhất 10 năm và không quá 30 năm.

5. Các doanh nghiệp được ủy quyền của Nga không được chuyển nhượng vốn trong các liên doanh cho bất cứ bên thứ ba của một nước thứ ba nào.

6. Tỷ lệ nội địa hóa mà các liên doanh phải đạt được vào năm 2020 và 2025 như sau:

Năm đích	2020	2025
Xe thể thao đa dụng (SUV) của hãng "UAZ"	30%	40%
Phương tiện vận tải từ 10 chỗ trở lên, bao gồm cả lái xe	35%	50%
Xe tải	30%	45%
Xe chuyên dụng	25%	40%

7. Các phương tiện vận tải có động cơ do liên doanh sản xuất để sử dụng trên lãnh thổ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy trình đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Chương II
HẠN NGẠCH THUẾ QUAN

Điều 5. Lượng hạn ngạch thuế quan

1. Tổng lượng hạn ngạch thuế quan cho tất cả các liên doanh đến năm 2021 như sau:

Năm	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Phương tiện vận tải có động cơ (chiếc)	800	850	900			
Bộ SKD		2.500	3.000	3.000	2.500	2.500

2. Bộ Công Thương phân bổ hạn ngạch thuế quan từng năm cho mỗi liên doanh căn cứ vào tổng lượng hạn ngạch thuế quan quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này, thông báo về việc phân bổ hạn ngạch thuế quan của Bộ Công Thương Liên bang Nga và thực tế thực hiện kế hoạch sản xuất của liên doanh gửi Bộ Công Thương.

3. Lượng hạn ngạch thuế quan được cấp năm sau có thể bị giảm trừ, phụ thuộc vào việc thực hiện tỷ lệ nội địa hóa của liên doanh nêu trong kế hoạch thực hiện dự kiến của mình và việc thực hiện hạn ngạch thuế quan năm trước theo công thức sau:

$$\text{Lượng hạn ngạch thuế quan cấp cho năm sau} = M * (1 - A) + B - C \text{ (hoặc D)}$$

Trong đó:

a) M là lượng hạn ngạch thuế quan cho từng liên doanh theo khoản 1 Điều 5 Quyết định này và thông báo của phía Nga (Bộ Công Thương Liên bang Nga) về việc phân bổ hạn ngạch thuế quan;

b) A là tỷ lệ phần trăm không thực hiện được trên thực tế kế hoạch dự kiến của năm trước về tỷ lệ nội địa hóa;

c) B là lượng hạn ngạch thuế quan được quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này mà không được thực hiện hết trong năm trước và được chuyển sang năm sau;

d) C là 30% của M cấp cho năm sau trong trường hợp liên doanh chỉ thực hiện từ 50 - 80% lượng hạn ngạch thuế quan của năm trước (M của năm kế trước) quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này;

đ) D là 50% của M cấp cho năm sau trong trường hợp liên doanh chỉ thực hiện ít hơn 50% lượng hạn ngạch thuế quan của năm trước (M của năm kế trước) quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này.

4. Trong trường hợp có điều chỉnh về lượng hạn ngạch thuế quan quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này, Bộ Công Thương Việt Nam thông báo cho Bộ Công Thương Liên bang Nga trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

Điều 6. Quy định thuế suất thuế nhập khẩu

1. Mức thuế suất thuế nhập khẩu trong hạn ngạch thuế quan là 0% trong trường hợp hàng hóa có xuất xứ phù hợp với quy định của Chương 4 (Quy tắc xuất xứ) của Hiệp định VN - EAEU FTA và được xác nhận bằng Giấy chứng nhận xuất xứ được cấp có ghi rõ hàm lượng giá trị gia tăng 55% theo cách tính quy định tại Chương 4 (Quy tắc xuất xứ) của Hiệp định VN - EAEU FTA. Giá trị các nguyên vật liệu của Việt Nam được loại trừ khỏi cách tính hàm lượng giá trị gia tăng.

2. Đối với mức thuế suất thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch:

a) Trong trường hợp hàng hóa có Giấy chứng nhận xuất xứ theo Hiệp định VN - EAEU FTA (Giấy chứng nhận xuất xứ mẫu EAV), mức thuế suất thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan là mức thuế nhập khẩu hiện hành theo cam kết trong Hiệp định VN - EAEU FTA;

b) Trong trường hợp hàng hóa không kèm theo Giấy chứng nhận xuất xứ mẫu EAV, mức thuế suất thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan được xác định theo các quy định về pháp luật thuế có liên quan của Việt Nam.

Chương III
QUY TRÌNH CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU THEO HẠN NGẠCH THUẾ QUAN VÀ NHẬP KHẨU THEO HẠN NGẠCH

Điều 7. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan

1. Liên doanh gửi kế hoạch sản xuất hàng năm tới Bộ Công Thương, trong đó có ghi rõ:

a) Chủng loại và số lượng xe dự kiến sản xuất;

b) Danh sách chi tiết của các linh kiện trong các bộ SKD;

c) Các dòng thuế tương ứng với các phương tiện vận tải có động cơ và bộ SKD dự kiến nhập khẩu ở cấp độ 8 chữ số theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu hiện hành của Việt Nam;

d) Lộ trình đạt tỷ lệ nội địa hóa theo mức cam kết tại khoản 6 Điều 4 Quyết định này;

đ) Dự kiến thực hiện thỏa thuận về chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực.

2. Trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận được kế hoạch sản xuất do liên doanh gửi, Bộ Công Thương thông báo về kết quả phê duyệt kế hoạch sản xuất này. Trong trường hợp cần làm rõ hoặc bổ sung thông tin về kế hoạch sản xuất, Bộ Công Thương thông báo cho liên doanh yêu cầu cụ thể về những thông tin bổ sung cần cung cấp.

Trong vòng 10 ngày kể từ khi nhận được thông tin bổ sung cho kế hoạch sản xuất do liên doanh gửi, Bộ Công Thương thông báo về kết quả phê duyệt hoặc từ chối kế hoạch này.

3. Trên cơ sở kế hoạch sản xuất hàng năm của liên doanh được Bộ Công Thương phê duyệt và phân bổ hạn ngạch thuế quan của Bộ Công Thương Liên bang Nga, các liên doanh gửi hồ sơ đến Bộ Công Thương đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan để nhập khẩu các phương tiện vận tải có động cơ và/hoặc bộ SKD, kèm theo Chứng nhận xuất xứ hàng hóa mẫu EAV được cơ quan có thẩm quyền của Liên bang Nga cấp phù hợp với quy định tại Nghị định thư. Trong đơn ghi rõ:

a) Số lượng đăng ký đối với tất cả các dòng xe, thời gian nhập khẩu dự kiến;

b) Các dòng thuế ở cấp độ 8 chữ số theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu hiện hành của Việt Nam, phù hợp với kế hoạch sản xuất đã được phê duyệt (có trừ các phụ tùng và linh kiện của các phương tiện vận tải có động cơ được sản xuất trên lãnh thổ Việt Nam).

4. Bộ Công Thương cấp giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan nhập khẩu, căn cứ vào kế hoạch sản xuất và yêu cầu nhập khẩu cụ thể của liên doanh trong vòng 14 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ yêu cầu của liên doanh. Giấy phép này có thể được cấp với thời hạn đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Điều 8. Thủ tục nhập khẩu

Căn cứ vào giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan do Bộ Công Thương cấp và quy định của pháp luật Việt Nam, cơ quan hải quan tại các cửa khẩu nơi làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa, sẽ xem xét cho thông quan lô hàng nhập khẩu theo nguyên tắc trừ lùi tự động cho đến hết số lượng hạn ngạch thuế quan đối với từng mặt hàng trong giấy phép.

Điều 9. Thu hồi cấp phép hạn ngạch thuế quan

Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch có thể bị thu hồi nếu liên doanh bị phát hiện vi phạm một trong các trường hợp sau:

1. Liên doanh không hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Liên doanh không đạt được yêu cầu về tỷ lệ nội địa hóa trong vòng 10 năm kể từ khi Nghị định thư có hiệu lực theo cam kết tại khoản 6 Điều 4 Quyết định này.

3. Các doanh nghiệp được ủy quyền của Nga chuyển nhượng vốn trong liên doanh cho bên thứ ba của một nước thứ ba.

4. Liên doanh không thực hiện nghĩa vụ của mình trong các thỏa thuận liên quan đến chuyển giao công nghệ.

5. Liên doanh không triển khai các hoạt động cụ thể để đóng góp vào sự phát triển của ngành công nghiệp sản xuất phụ tùng ô tô Việt Nam; phát triển hệ thống dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa ô tô; đào tạo tay nghề kỹ thuật cho lao động địa phương và hỗ trợ các phương tiện vận tải có động cơ, bộ SKD do liên doanh sản xuất thâm nhập vào thị trường các nước khác, bao gồm cả Liên minh Kinh tế Á - Âu.

Điều 10. Thay đổi doanh nghiệp được ủy quyền theo Nghị định thư

Bộ Công Thương chủ trì việc xem xét, đánh giá đề nghị của phía Nga (Bộ Công Thương Liên bang Nga) về việc bổ sung hoặc thay thế doanh nghiệp được ủy quyền dựa trên các tiêu chí được quy định trong Nghị định thư và có xác nhận với phía Nga về việc các doanh nghiệp được ủy quyền đủ điều kiện trong vòng 28 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu và các tài liệu cần thiết.

Chương IV
CƠ CHẾ PHỐI HỢP QUẢN LÝ GIỮA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 11. Cơ chế phối hợp trong việc cấp giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan

1. Bộ Công Thương chủ trì:

a) Thực hiện quy trình xem xét cấp giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan;

b) Xem xét đề nghị của phía Nga về việc bổ sung hoặc thay thế doanh nghiệp được ủy quyền theo Nghị định thư và thông báo cho các bộ, ngành hữu quan trong trường hợp đồng ý với đề nghị này của phía Nga.

2. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ hữu quan xem xét phê duyệt kế hoạch sản xuất của liên doanh để cấp giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan. Trong đó:

a) Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện việc xem xét, chấp thuận mức độ rời rạc của các bộ SKD nhập khẩu được ghi trong kế hoạch sản xuất theo các quy định hiện hành;

b) Bộ Tài chính rà soát sự tương thích của Danh mục phương tiện vận tải có động cơ và bộ SKD được đề xuất để hưởng ưu đãi miễn thuế theo hạn ngạch thuế quan trong kế hoạch sản xuất, chi tiết ở cấp độ 8 chữ số với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Việt Nam.

3. Trước ngày 31 tháng 01 hàng năm, Bộ Công Thương thông báo cho Bộ Tài chính về lượng hạn ngạch thuế quan điều chỉnh.

4. Bộ Công Thương thông báo cho Bộ Tài chính về Danh mục phương tiện vận tải có động cơ và bộ SKD dự kiến nhập khẩu của mỗi liên doanh ngay sau khi phê duyệt kế hoạch sản xuất của liên doanh.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện cơ chế công bố danh mục phụ tùng trong nước đã sản xuất được theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ và giới thiệu cập nhật cho các liên doanh về các cơ sở sản xuất ở Việt Nam đã sản xuất được các loại phụ tùng với chủng loại, tiêu chuẩn kỹ thuật cụ thể. Đồng thời, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra quá trình các liên doanh thỏa thuận trực tiếp với các cơ sở sản xuất về việc đặt hàng phụ tùng cho ô tô do liên doanh sản xuất, lắp ráp tại Việt Nam.

Chương V
CHẾ ĐỘ KIỂM TRA, BÁO CÁO

Điều 12. Kiểm tra

1. Bộ Công Thương kiểm tra quá trình sản xuất; đánh giá việc thực hiện hạn ngạch thuế quan, việc thực hiện cam kết về tỷ lệ nội địa hóa của từng liên doanh và điều chỉnh lượng hạn ngạch thuế quan miễn thuế cho năm tiếp theo.

2. Bộ Tài chính kiểm tra việc thông quan lô hàng nhập khẩu để đảm bảo phương tiện vận tải có động cơ và/hoặc bộ SKD được nhập khẩu miễn thuế theo đúng Danh mục phương tiện vận tải có động cơ và bộ SKD do Bộ Công Thương gửi và theo giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan do Bộ Công Thương cấp.

3. Bộ Giao thông vận tải kiểm tra phương tiện vận tải có động cơ và các bộ SKD do các liên doanh sản xuất để sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam nhằm đảm bảo phương tiện vận tải và các bộ SKD này đáp ứng các tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp, được quy định tại các văn bản pháp luật có liên quan của Việt Nam.

Điều 13. Nghĩa vụ báo cáo

1. Liên doanh có nghĩa vụ tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, liên doanh phải báo cáo Bộ Công Thương về tình hình sản xuất kinh doanh trong năm trước, việc thực hiện hạn ngạch thuế quan và việc thực hiện kế hoạch về tỷ lệ nội địa hóa, trong đó ghi rõ:

a) Số lượng phương tiện vận tải có động cơ và bộ SKD đã được nhập khẩu miễn thuế;

b) Chủng loại và số lượng xe đã sản xuất;

c) Thông tin về các dữ liệu cần thiết để tính tỷ lệ nội địa hóa (chi phí nguyên vật liệu của Việt Nam, chi phí lao động trực tiếp, chi phí chung trực tiếp, lợi nhuận, giá EXW);

d) Bản cập nhật mới nhất của Báo cáo tài chính năm.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2017.

Sau khi Nghị định thư có hiệu lực, theo định kỳ 5 năm, Bộ Công Thương phối hợp với các bộ, ngành hữu quan xem xét đánh giá việc thực hiện cam kết về tỷ lệ nội địa hóa của từng liên doanh và cân nhắc đề xuất việc thu hồi giấy phép của liên doanh nếu sau 10 năm liên doanh không đạt được tỷ lệ nội địa hóa theo cam kết tại khoản 6 Điều 4 Quyết định này.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Công Thương theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Bộ trưởng các Bộ: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ và Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc